

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23-6-2020

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tấn Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Khách

Ông Phạm Văn Khuyến

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Duyên – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 99/2020/TLST-HN&GD ngày 12/02/2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/5/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05/6/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Dương Th - SN: 1991 (có mặt)

Trú tại: Thôn 8, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Nh - SN: 1987; (vắng mặt)

Trú tại: Thôn 1, xã LB, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn anh Nguyễn Dương Th trình bày:*

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Th và chị Nh tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 26/12/2018 tại UBND xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước, tổ chức hôn lễ theo đúng quy định pháp luật và phong tục địa phương. Sau khi kết hôn thì sống chung với nhau được khoảng 10 ngày, chị Nh đòi ra ở riêng dẫn đến vợ chồng cãi nhau, chị Nh bỏ về bên nhà cha mẹ để ở thôn 1, xã LB để sinh sống, anh Th đã nhiều lần khuyên can nhưng không được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích sống chung hạnh phúc, vợ chồng hiện đang sống ly thân. Nay anh Th đề nghị được ly hôn với chị Nh.

+ *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn chị Nguyễn Thị Nh trình bày*: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Nh đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

- Tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Dương Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị được ly hôn với chị Nguyễn Thị Nh.

Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn anh Nguyễn Dương Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

Xét thấy, đây là vụ kiện hôn nhân gia đình “Tranh chấp ly hôn” do nguyên đơn anh Nguyễn Dương Th thực hiện quyền khởi kiện; người bị kiện chị Nguyễn Thị Nh có nơi cư trú tại thôn 1, xã LB, huyện P, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng bị đơn chị Nguyễn Thị Nh vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Th và chị Nh có tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn ngày 26/12/2018 tại UBND xã Là, huyện P, tỉnh Bình Phước. Xét thấy việc kết hôn giữa anh Th và chị Nh là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc; tại thời điểm kết hôn cả anh Th và chị Nh đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, hôn nhân giữa anh Th và chị Nh là hợp pháp theo quy

định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn anh Th, kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương xác định, sau khi kết hôn, vợ chồng anh Th chị Nh phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng ly thân với nhau. Tòa án đã thông báo về việc thu lý vụ án nhưng chị Nh không có văn bản trình bày ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của anh Th cũng như trình bày về tình trạng hôn nhân của mình. Như vậy, có đủ căn cứ xác định, đời sống hôn nhân của anh Th chị Nh mâu thuẫn trầm trọng, cả anh Th và chị Nh đều không có giải pháp để khắc phục, cải thiện cuộc sống vợ chồng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của anh Th được ly hôn với chị Nh là có căn cứ theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*: Không có con chung nên không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: Anh Nguyễn Dương Th phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 217; Điều 218; Điều 227; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 19, 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Dương Th.

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Dương Th được ly hôn với chị Nguyễn Thị Nh.

Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Dương Th và chị Nguyễn Thị Nh chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

+ Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Dương Th phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 027500, quyển số 0550, ngày 12/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đỗ Tấn Trường

